

Phụ lục số 01

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2025 của HĐND phường Ninh Hòa)

Đvt: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026
A	TỔNG THU NSDP	453.910
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	147.500
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	20.000
2	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %	127.500
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	306.410
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	271.810
2	Thu bổ sung có mục tiêu (dự kiến)	34.600
III	Thu kết dư	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NSDP	453.910
I	Chi thuộc nhiệm vụ ngân sách phường	453.910
1	Chi đầu tư phát triển	175.111
2	Chi thường xuyên	269.372
3	Dự phòng ngân sách	9.427
4	Chi tạo nguồn thực hiện CCTL	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

Phục lục 03**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026***(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2025 của HĐND phường Ninh Hòa)**Đvt: triệu đồng*

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách phường
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NSDP	453.910	0	453.910
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	453.910	0	453.910
I	Chi đầu tư phát triển	175.111	0	175.111
1	Chi đầu tư cho các dự án	175.111	0	175.111
	- Nguồn XDCB tập trung	13.011		13.011
	- Nguồn thu tiền sử dụng đất	127.500		127.500
	- Nguồn bổ sung có mục tiêu (dự kiến)	34.600		34.600
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	269.372	0	269.372
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	143.952		143.952
2	Chi khoa học và công nghệ	0		
III	Dự phòng ngân sách	9.427		9.427
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	0	0	0
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0	0	0

Phụ lục 04**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2026***(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2025 của HĐND phường Ninh Hòa)**Đvt: triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán	Ghi chú
A	B	3	5
	TỔNG CHI NSDP	453.910	
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI		
B	CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC	453.910	
I	Chi đầu tư phát triển	175.111	
1	Chi đầu tư cho các dự án	175.111	
	- Nguồn XDCCB tập trung	13.011	
	- Nguồn thu tiền sử dụng đất	127.500	
	- Nguồn bổ sung có mục tiêu (dự kiến)	34.600	
3	Chi đầu tư phát triển khác		
II	Chi thường xuyên	269.372	
	Trong đó		
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	143.952	
2	Chi khoa học và công nghệ		
3	Chi quốc phòng	6.892	
4	Chi an ninh	6.337	
5	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	10.145	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	2.968	
7	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	577	
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	397	
9	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	7.000	
10	Chi hoạt động kinh tế	11.160	
11	Chi hoạt động quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	35.322	
12	Chi bảo đảm xã hội	43.282	
13	Chi trợ giá trợ cước		
14	Chi khác	1.340	
III	Dự phòng ngân sách	9.427	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0	

